ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

Số: 218/QĐ-CĐKTKT-CTHSSV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 2 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chi hỗ trợ chi phí học tập tháng 1 năm 2025 cho sinh viên K18CĐ; K19CĐ và K20CĐ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-CĐKTKT-TH ngày 22/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-CĐKTKT-TS ngày 26/10/2022;Quyết định số 946/QĐ-CĐKTKT-TS ngày 04/10/2023 và Quyết định số 918/QĐ-CĐKTKT-TS ngày 23/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học hệ cao đẳng chính quy tại Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật năm 2022, 2023, năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 869/QĐ-CĐKTKT-CTHSSV ngày 28/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc thành lập các lớp K18 hệ Cao đẳng khóa học 2022 - 2025;Quyết định số 951/QĐ-CĐKTKT-CTHSSV ngày 06/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc thành lập các lớp K19 hệ Cao đẳng khóa học 2023 - 2026;Quyết định số 980/QĐ-CĐKTKT-CTHSSV ngày 30/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc thành lập các lớp K20 hệ Cao đẳng khóa học 2024 - 2027;

Căn cứ hồ sơ và đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập của sinh viên;

Theo đề nghị của bà Trưởng phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi hỗ trợ chi phí học tập tháng 1 năm 2025 cho 35 sinh viên K18CĐ, K19CĐ và K20CĐ *(có danh sách kèm theo)*.

Tổng số tiền: **49.140.000đ**

(Viết bằng chữ: Bốn mươi chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng)

Điều 2. Các Ông (bà) Trưởng phòng CTHSSV, phòng Tổng hợp, khoa Điện, khoa Cơ khí, khoa CN Ô tô, khoa KT&CNNN, khoa KHCB, khoa CNTT và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Các Khoa;
- P.Tổng hợp (KHTC,Website);
- Lưu: VT, P.CTHSSV.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KỸ THUẬT
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Văn Bình

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THÁNG 1 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 218/QĐ-CĐKTKT-CTHSSV ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đ)/tháng	Kinh phí được hỗ trợ (đ)	Ghi chú
1	CDT12022365202270013	Trần Quang Đại	K19CĐ-ĐCN A	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
2	CDT12022365202270163	Lưu Viết Hiệp	K19CĐ-ĐCN A	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
3	CDT12022365103030181	Nguyễn Thành Long	K19CĐ-Điện ĐT A	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
4	CDT12022365202270160	La Lê Việt Quang	K19CĐ-Điện ĐT A	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
5	CDT12022365202050057	Hoàng Văn Thành	K19CĐ-Điện lạnh	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
6	CDT12022465103030016	Đặng Văn Môn	K20CĐ-ĐĐT A	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
7	CDT12022465103030207	Mã Thiêm Chung	K20CĐ-ĐĐT C	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
8	CDT12022465103030004	Triệu Văn Hiếu	K20CĐ-ĐĐT C	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
9	CDT12022465202250079	Lầu Xuân Tuấn	K20CĐ-ĐTCNB	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
10	CDT12022465202270049	Nông Đình Chiều	K20CĐ-ĐCN A	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
11	CDT12022465202270151	Hoàng Văn Nam	K20CĐ-ĐCN B	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
12	CDT12022465202270091	Hàn Văn Trường	K20CĐ-ĐCN B	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
13	CDT12022465202050007	Nông Đình Doãn	K20CĐ-Điện lạnh	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
14	CDT12022365102160145	Bàn Dương Hải Đăng	K19CĐ- Ô tô B	NGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
15	CDT12022465102160083	Triệu Quốc Cường	K20CĐ- Ô tô B	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
16	CDT12022465102160065	Triệu Hùng Quang	K20CĐ- Ô tô B	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
17	CDT12022465102160066	Phùng Thanh Tùng	K20CĐ- Ô tô B	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
18	CDT12022365102010011	Bế Trường Thiên	K19CĐ-CNKT Cơ khí	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
19	CDT12022465102010020	Hà Văn An	K20CĐ-CNKT Cơ khí	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
20	CDT12022264802010051	Ma Tiến Cơ	K18CĐ-Tin	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
21	CDT12022264802010080	Đặng Thị Hà	K18CĐ-Tin	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
22	CDT12022264802010048	Lưu Mạnh Hùng	K18CĐ-Tin	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
23	CDT12022264802010018	Phùng Văn Quang	K18CĐ-Tin	NGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
24	CDT12022364802010005	Vũ Quang Thiện	K19CĐ-Tin	NGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
25	CDT12022464802010074	Linh Quốc Dũng	K20CĐ-Tin A	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
26	CDT12022464802010075	Tô Ngọc Sơn	K20CĐ-Tin A	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
27	CDT12022464802010076	Lý Anh Tuấn	K20CĐ-Tin A	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
28	CDT12022363404040032	Hoàng Quốc Trung	K19CĐ-QTKD	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
29	CDT12022362202110023	Phùng Thị Huyền	K19CĐ-KT	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
30	CDT12022362202110020	Vừ Thị Hiền	K19CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
31	CDT12022362202110008	Hoàng Thị Thu	K19CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
32	CDT12022362202110007	Vương Thùy Trang	K19CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
33	CDT12022362202110010	Đặng Thúy Vân	K19CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
34	CDT12022462202110049	Mùa A Chớ	K20CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	
35	CDT12022462202110033	Ma Đình Hiếu	K20CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	1	1.404.000	1.404.000	

Danh sách ấn định: 35 SV **Tổng số tiền** **49.140.000**

(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

ThS. Võ Thị Ngọc

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Lệ Thanh